



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1305/31731225

Ngày: 16/12/2025

Trang: 01-02

I. Đơn vị gửi mẫu: CN Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Bình Định

II. Địa chỉ: 87 Hoàng Văn Thụ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai

III. Thông tin mẫu phân tích theo yêu cầu của khách hàng:

- Bùn thải sau máy ép bùn, tọa độ: 1522534; 603448

Lượng mẫu: 2 kg

IV. Thời gian:

Nhận mẫu: 02/12/2025

Thử nghiệm: 02/12/2025-16/12/2025

Lưu mẫu: 07 ngày

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	As ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 7010	KPH (LOD=0,003)
2	Ba ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 7010	KPH (LOD=0,020)
3	Ag ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 7000B	KPH (LOD=0,060)
4	Cd ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 7010	KPH (LOD=0,0002)
5	Pb ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 7000B	KPH (LOD=0,3)
6	Co ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 7000B	KPH (LOD=0,003)
7	Zn ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 7000B	KPH (LOD=0,06)
8	Ni ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 7000B	KPH (LOD=0,006)
9	Se ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 7010	KPH (LOD=0,003)
10	Hg ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 7471B	KPH (LOD=0,002)
11	Cr ⁶⁺ ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 7196A	KPH (LOD=0,15)
12	Tổng dầu ^(c)	mg/l	TCVN 9239:2012 US EPA 1664B	KPH (LOD=3)
13	CN ⁻ ^(c)	mg/kg (ppm)	US EPA 9013A US EPA 9010C US EPA 9014	KPH (LOD=0,300)

V. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014





SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH GIA LAI
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER OF ENVIRONMENTAL AND NATURAL RESOURCES MONITORING
Địa chỉ số: 174 Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: 056-6544468;6533368

- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (d): Các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (LOD): giới hạn phát hiện
- (c): Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ

PHÒNG QT-PT

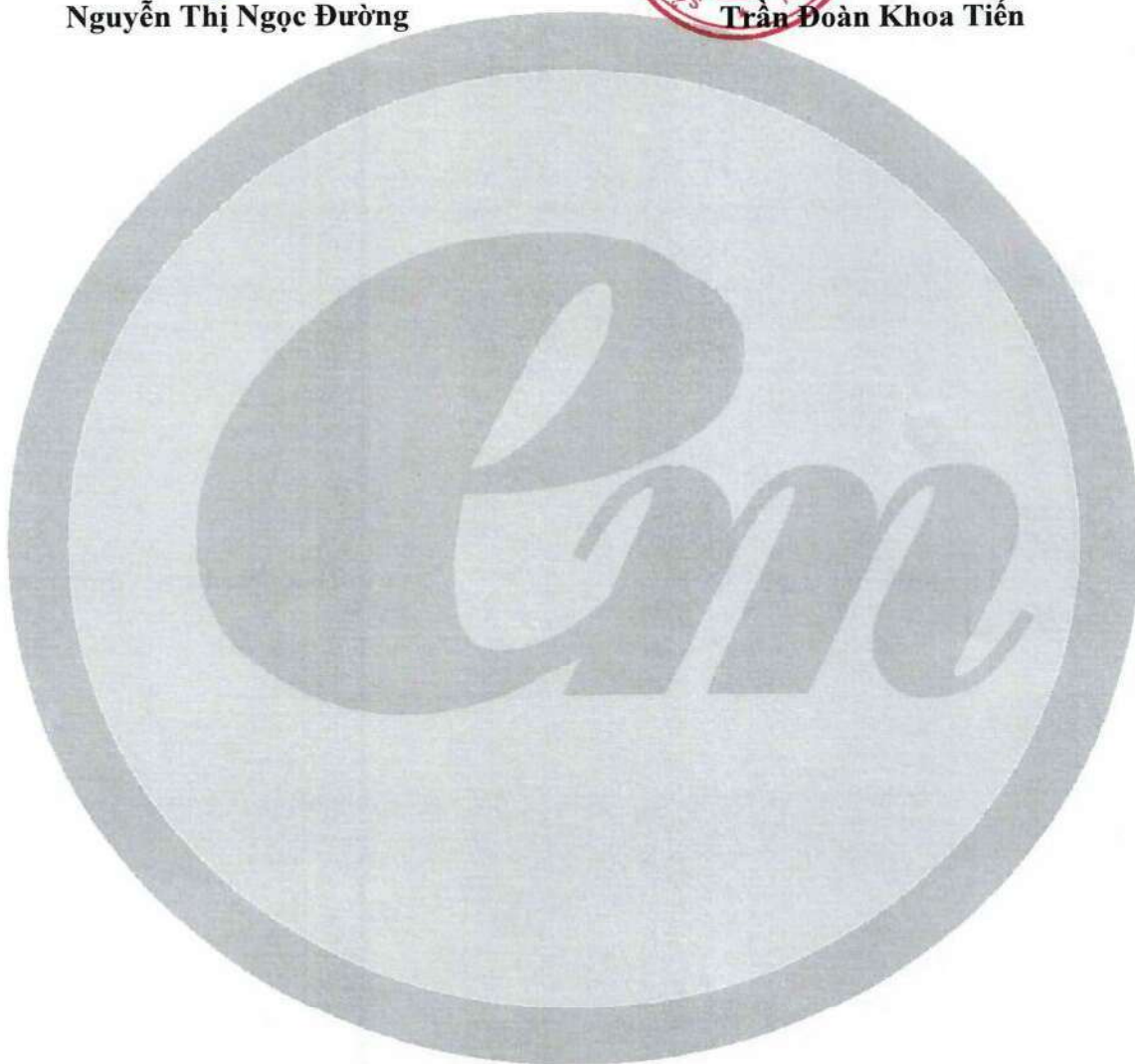
Nguyễn Thị Ngọc Đường

Gia Lai ngày tháng năm 2025



GIÁM ĐỐC

Trần Đoàn Khoa Tiến





SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH GIA LAI
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER OF ENVIRONMENTAL AND NATURAL RESOURCES MONITORING
Địa chỉ số: 174 - Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: 056-6544468;6533368

PHIẾU YÊU CẦU THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1293/31701225

Ngày: 15/12/2025

Trang: 01/01

I. Loại mẫu : Nước thải

Lượng mẫu: 2 lít

II. Thời gian:

Lấy mẫu: 02/12/2025 **Thử nghiệm:** 02/12/2025-15/12/2025 **Lưu mẫu:** 07 ngày

III. Địa điểm lấy mẫu: CN Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Bình Định, 87
Hoàng Văn Thụ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Bình Định.

IV. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

- Tại đầu ra của HTXL nước thải công suất 1200m³/ ngày
đêm, tọa độ: 1522496; 603476 (14h00)

Mô tả mẫu:

Nước vàng nhạt

Ký hiệu mẫu:

NT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT- giá trị C, cột B
1	Nhiệt độ ^(a,e)	°C	SMEWW 2550B:2023	27,1	40
2	pH ^(a,e)	-	TCVN 6492:2011	7,24	5,5-9
3	Độ màu ^(a)	Pt-co	TCVN 6185:2015	13 (LOQ=15)	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6625:2000	9	100
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ^(a,b)	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	54	150
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	30	50
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/l	TCVN 5988:1995	0,56 (LOQ=1)	10
8	Clo dư ^(a)	mg/l	TCVN 6225-3:1996	0,18 (LOQ=0,40)	2
9	Tổng nitơ (T-N) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6638:2000	4,93	40
10	Tổng photpho (T-P) ^(a)	mg/l	SMEWW 4500P.B&D:2023	4,72	6
11	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(c)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	10
12	Coliform ^(a)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	3500	5000

V. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (d): Các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (e): Các chỉ tiêu đo nhanh theo BB quan trắc hiện trường
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL/LOD): giới hạn phát hiện
- (c): Chỉ tiêu nhà thầu phụ

PHÒNG QT-PT

Nguyễn Thị Ngọc Đường

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

GIÁM ĐỐC



Trần Đoàn Khoa Tiến



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH GIA LAI
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER OF ENVIRONMENTAL AND NATURAL RESOURCES MONITORING
Địa chỉ số: 174 - Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: 056-6544468;6533368

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1284/31741225-31751225

Ngày: 12/12/2025

Trang: 01/01

I. Loại mẫu : Không khí xung quanh

Lượng mẫu:

II. Thời gian:

Lấy mẫu: 02/12/2025 **Thử nghiệm:** 02/12/2025-12/12/2025 **Lưu mẫu:**

III. Địa điểm lấy mẫu: Kho Lê Văn Chân - CN Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Bình Định, 02 Lê Văn Chân, phường Quy Nhơn nam, tỉnh Gia Lai.

IV. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

- Khu vực bên trong khuôn viên của kho, tọa độ: 1522587; 603599 (15h00)

KK1

- Khu vực cổng ra vào kho, tọa độ: 1522568; 603612 (16h00)

KK2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm		QCVN 05:2013/ BTNMT (Bảng 1- cột TB 1 giờ)	QCVN 26:2016/ BYT (Bảng 1- hàng trung bình)
				KK1	KK2		
1	Nhiệt độ ^(a,e)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,1	28,4	-	18-32
2	Độ ẩm ^(a,e)	%RH	QCVN 46:2012/BTNMT	76,3	75,6	-	40-80
3	Tiếng ồn ^(a,e)	dBA	TCVN 7878-2:2010	61,8	62,7	-	-
4	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	51 (LOQ=53)	48 (LOQ=53)	350	-
5	CO ^(a)	µg/Nm ³	HD/KKXQ - CO	3900 (LOQ=10400)	3800 (LOQ=10400)	30000	-
6	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	45	39	200	-
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	88	76	300	-

V. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimecerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (d): Các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (e): Các chỉ tiêu đo nhanh theo BB quan trắc hiện trường
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL): giới hạn phát hiện

PHÒNG QT-PT

[Signature]

Phạm Thanh Bình

Gia Lai ngày tháng năm 2025

GIÁM ĐỐC
[Signature]
Trần Đoàn Khoa Tiến



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1286/31711225-31721225

Ngày: 12/12/2025

Trang: 01/01

I. Loại mẫu : Khí thải

Lượng mẫu:

II. Thời gian:

Lấy mẫu: 02/12/2025 **Thử nghiệm:** 02/12/2025-12/12/2025 **Lưu mẫu:**

III. Địa điểm lấy mẫu: CN Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Bình Định, 87 Hoàng Văn Thụ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

IV. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

- Tại ống khói của lò hơi dự phòng công suất 2 tấn hơi/giờ,

tọa độ: 1522463; 603528

- Tại ống khói của lò hơi dự phòng công suất 5 tấn hơi/giờ,

tọa độ: 1522460; 603529

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

KT1

KT2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT1	KT2	
1	Lưu lượng khí thải ^(a,e)	m ³ /h	US EPA Method 2	3136	7802	-
1	Bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	63	61	200
2	CO ^(a,e)	mg/Nm ³	HD/KT - CO	217,4	185,1	1000
3	SO ₂ ^(a,e)	mg/Nm ³	HD/KT - SO ₂	30,9	29,3	500
4	NO _x ^(a,e)	mg/Nm ³	HD/KT - NO _x	13,5	19,3	850

V. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (d): Các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (e): Các chỉ tiêu đo nhanh theo BB quan trắc hiện trường
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL): giới hạn phát hiện

PHÒNG QT-PT

Phạm Thanh Bình

Gia Lai ngày tháng năm 2025

GIÁM ĐỐC

Trần Đoàn Khoa Tiến